

ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG –K46

1. Đồ thị thể hiện sự phối hợp giữa GDP thực tế và lãi suất mà tại đó cầu tiền cân bằng với cung tiền được gọi là:
 - A. Đồ thị IS.
 - B. Đồ thị cầu tiền.
 - C. Đồ thị cầu đầu tư.
 - D. Đồ thị LM
2. Trong mô hình IS-LM, chính sách tài khoá mở rộng được thể hiện bằng:
 - A. Sự dịch chuyển sang phải của đồ thị IS.
 - B. Sự dịch chuyển sang trái của đồ thị IS.
 - C. Sự dịch chuyển sang phải của đồ thị LM.
 - D. Sự dịch chuyển sang trái của đồ thị LM.
 - E. Đồ thị IS dịch sang phải, sau đó đồ thị LM cũng dịch chuyển sang trái.
3. Trong mô hình IS-LM, chính sách tiền tệ thắt chặt được thể hiện bằng:
 - A. Sự dịch chuyển sang phải của đồ thị IS.
 - B. Sự dịch chuyển sang trái của đồ thị IS.
 - C. Sự dịch chuyển sang phải của đồ thị LM.
 - D. Sự dịch chuyển sang trái của đồ thị LM.
 - E. Đồ thị LM dịch sang trái, sau đó đồ thị IS cũng dịch chuyển sang trái.
4. Sự thay đổi nào dưới đây sẽ làm thay đổi độ dốc của đồ thị IS:
 - A. Thuế suất.
 - B. MPS.
 - C. Sự nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất.
 - D. Tất cả các câu trên.
 - E. A và B
5. Giả sử đầu tư trở nên nhạy cảm hơn với sự thay đổi của lãi suất, khi đó:
 - A. Số nhân chi tiêu sẽ tăng
 - B. Đồ thị IS sẽ dịch chuyển song song sang trái.
 - C. Đồ thị IS sẽ dịch chuyển song song sang phải.
 - D. Đồ thị IS sẽ trở nên dốc hơn.
 - E. Đồ thị IS sẽ trở nên thoải hơn.
6. Với các đồ thị IS và LM có độ dốc thông thường, chính sách tài khoá thắt chặt sẽ:

- A. Dịch chuyển đ-òng IS sang phải.
 - B. Làm tăng lãi suất và giảm thu nhập.
 - C. Dịch chuyển đ-òng LM sang trái.
 - D. Làm giảm thu nhập và lãi suất.
 - E. Làm giảm đầu t- do có ảnh h-ởng lẩn át.
7. Sự thay đổi của yếu tố nào d-ới đây sẽ không làm thay đổi vị trí của đ-òng IS:
- A. Chi tiêu chính phủ.
 - B. Thuế.
 - C. Lãi suất.
 - D. Niềm tin của các doanh nghiệp và ng-ời tiêu dùng về t-ơng lai.
 - E. Tiêu dùng tự định.
8. Tăng thuế suất đánh vào thu nhập của các hộ gia đình sẽ:
- A. Làm giảm thu nhập và lãi suất.
 - B. Tăng mức đầu t- , nh-ng giảm tiêu dùng.
 - C. Giảm số nhân chi tiêu, làm đ-òng IS dốc hơn.
 - D. Tất cả các điều trên.
 - E. Không phải các điều trên.
9. Giả sử nền kinh tế đang nằm phía trên và bên trái đ-òng LM:
- A. Có một sự sai sót vì mọi tổ hợp của lãi suất và thu nhập phải nằm trên đ-òng LM.
 - B. Lãi suất sẽ tăng vì có sự d- cung về tiền.
 - C. Lãi suất sẽ giảm vì có sự d- cung về tiền.
 - D. Lãi suất sẽ giảm vì có sự d- cầu về tiền.
 - E. Lãi suất sẽ tăng vì có sự d- cầu về tiền.
10. Tại các điểm nằm phía trên và bên phải của đ-òng IS, điều nào d-ới đây là đúng?
- A. Tổng cầu lớn hơn sản l-ợng thực tế, do đó có sự d- cung về hàng hoá.
 - B. Tổng cầu lớn hơn sản l-ợng thực tế, do đó có sự d- cầu về hàng hoá.
 - C. Sản l-ợng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự d- cung về hàng hoá.
 - D. Sản l-ợng thực tế lớn hơn tổng cầu, do đó có sự d- cầu về hàng hoá.
 - E. Không tồn tại các điểm nh- vậy.
11. □nh h-ởng của chính sách tiền tệ thắt chặt là làm giảm sản l-ợng, đồng thời:
- A. Làm giảm lãi suất và giảm đầu t- .
 - B. Làm giảm lãi suất và tăng đầu t- .
 - C. Làm tăng lãi suất và giảm đầu t- .

D. Làm tăng lãi suất và tăng đầu t- .

12. Giả sử chính phủ giảm chi tiêu. Trong mô hình IS-LM, điều này sẽ gây ra:

A. Giảm tiêu dùng.

B. Tăng đầu t- .

C. Giảm lãi suất.

D. Tất cả các điều trên.

E. Chỉ B và C.

13. Quá trình nào sau đây mô tả những ảnh h- ưởng của chính sách tài khoá mở rộng?

A. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế tăng, cầu tiền tăng, lãi suất giảm, GDP thực tế tiếp tục đ- ợc mở rộng.

B. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế tăng, cung tiền tăng, lãi suất giảm, GDP thực tế tiếp tục đ- ợc mở rộng.

C. Tổng chi tiêu giảm, GDP thực tế tăng, cầu tiền tăng, lãi suất giảm, GDP tiếp tục đ- ợc mở rộng.

D. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế giảm, cầu tiền tăng, lãi suất giảm và do đó GDP tăng lên để bù đắp một phần cho sự suy giảm ban đầu.

E. Tổng chi tiêu tăng, GDP thực tế tăng, cầu tiền tăng, lãi suất tăng, làm giảm ảnh h- ưởng mở rộng ban đầu của chính sách tài khoá.

14. Khi công chúng quyết định chuyển một phần thanh toán bằng tiền mặt sang sử dụng séc cá nhân sẽ có sự:

A. Di chuyển trên cả đ- ờng IS và LM.

B. Di chuyển trên đ- ờng LM.

C. Dịch chuyển đ- ờng LM sang phải.

D. Dịch chuyển đ- ờng LM sang trái.

E. Đ- ờng Lm không thay đổi vị trí, nh- ng đ- ờng IS dịch chuyển.

15. Kết quả cuối cùng của sự thay đổi chính sách của chính phủ là lãi suất tăng, tiêu dùng tăng, và đầu t- giảm. Đó là do kết quả của việc áp dụng:

A. Chính sách tiền tệ mở rộng.

B. Chính sách tiền tệ chặt.

C. Chính sách tài khoá chặt.

D. Chính sách tài khoá mở rộng.

E. Không phải các chính sách trên.

16. Trong mô hình IS-LM, nếu chi tiêu chính phủ và thuế tăng cùng một l- ượng nh- nhau, thì:

- A. Thu nhập cũng tăng một l- ợng t- ợng ứng.
- B. Thu nhập sẽ giữ nguyên vì đ- ờng IS không thay đổi vị trí.
- C. Thu nhập sẽ chỉ tăng nếu ngân hàng trung - ợng cũng tăng cung tiền.
- D. Cả thu nhập và lãi suất cùng tăng.
- E. Không phải các câu trên.

17. Nếu ngân hàng trung - ợng giảm cung tiền và chính phủ muốn duy trì tổng cầu ở mức ban đầu, chính phủ cần:

- A. Giảm chi tiêu chính phủ.
- B. Giảm thuế
- C. Yêu cầu ngân hàng trung - ợng bán trái phiếu trên thị tr- ờng mở.
- D. Tăng thuế.
- E. Giảm cả thuế và chi tiêu chính phủ.

18. Khi chính phủ tăng chi tiêu và giảm cung tiền chúng ta có thể dự tính:

- A. Tổng cầu tăng nh- ng lãi suất không thay đổi.
- B. Tổng cầu và lãi suất đều tăng.
- C. Lãi suất tăng, nh- ng tổng cầu có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi.
- D. Cả lãi suất và tổng cầu đều giảm.
- E. Tổng cầu sẽ tăng và tổng cung sẽ giảm.

19. Khi chính phủ tăng thuế và giảm cung tiền chúng ta có thể dự tính:

- A. Tổng cầu tăng nh- ng lãi suất không thay đổi.
- B. Tổng cầu và lãi suất đều tăng.
- C. Lãi suất giảm, nh- ng tổng cầu có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi.
- D. Cả lãi suất và tổng cầu đều giảm.
- E. Tổng cầu giảm, nh- ng lãi suất có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi.

20. Giả sử chính phủ muốn kích thích đầu t- nh- ng hầu nh- không làm thay đổi thu nhập.

Theo bạn chính phủ cần sử dụng chính sách nào?

- A. Giảm thuế thu nhập đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng.
- B. Trợ cấp đầu t- đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng.
- C. Giảm chi tiêu chính phủ kèm với chính sách tiền tệ mở rộng.
- D. Giảm thuế đi kèm với chính sách tiền tệ thắt chặt.
- E. Trợ cấp đầu t- .

21. Giả sử đầu t- hoàn toàn không nhạy cảm với lãi suất. khi đó:

- A. Chính sách tài khoá sẽ hoàn toàn không có hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu.

- B. Chính sách tài khoá sẽ rất hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu.
- C. Lãi suất không thể giảm bởi chính sách tài khoá hoặc chính sách tiền tệ.
- D. Nền kinh tế không thể đ- ợc kích thích bằng chính sách tài khoá hoặc chính sách tiền tệ.
- E. Không phải các câu trên.

22. Hiện t- ợng lấn át

- A. Sẽ là hoàn toàn (100%) nếu đ- ờng LM thẳng đứng
- B. Đ- ợc gây ra bởi sự gia tăng lãi suất khi tăng chi tiêu chính phủ.
- C. Sẽ không xảy ra nếu đ- ờng LM nằm ngang.
- D. Tất cả các câu trên.
- E. Không phải các câu trên.

23. Chính sách tiền tệ có hiệu quả hơn khi:

- A. Lãi suất nhạy cảm hơn với đầu t- .
- B. Cầu tiền ít nhạy cảm với sự thay đổi của lãi suất.
- C. MPC lớn hơn.
- D. Tất cả các câu trên.
- E. Không phải các điều ở trên.

24. Chính sách tiền tệ kém hiệu quả hơ trong việc điều tiết tổng cầu khi độ nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất:

- A. Lớn và đầu t- rất nhạy cảm với lãi suất.
- B. Lớn và đầu t- ít nhạy cảm với lãi suất.
- C. Nhỏ và đầu t- ít nhạy cảm với lãi suất.
- D. Nhỏ và đầu t- ít nhạy cảm với lãi suất.
- E. Không phải những điều ở trên.

25. Giả sử một nền kinh tế có cầu tiền thực tế rất nhạy cảm với lãi suất, và cầu đầu t- cũng rất nhạy cảm với lãi suất. Trong nền kinh tế đó:

- A. Chính sách tài khoá không có hiệu quả vì nó gây ra tháo lui đầu t- rất lớn.
- B. Thay đổi lãi suất chỉ gây ra sự thay đổi rất nhỏ của cầu đầu t- .
- C. Tăng chi tiêu chính phủ sẽ ảnh h- ờng mạnh đến lãi suất.
- D. Tăng chi tiêu chính phủ sẽ làm lãi suất thay đổi ít, nh- ng gây ra thoái lui đầu t- lớn.

26. Tổng cầu có thể tăng do tăng cung tiền hoặc tăng chi tiêu chính phủ. Điều nào d- ới đây sẽ là một sự so sánh đúng hai chính sách trên?

- A. Lãi suất sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi tiêu dùng sẽ tăng lên trong cả hai tr- ờng hợp.

- B. Lãi suất sẽ giảm khi sử dụng chính sách tiền tệ và tăng khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi tiêu dùng sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp.
- C. Tiêu dùng sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi lãi suất sẽ tăng lên trong cả hai trường hợp.
- D. Tiêu dùng sẽ tăng khi sử dụng chính sách tiền tệ và giảm khi sử dụng chính sách tài khoá, trong khi lãi suất sẽ giảm trong cả hai trường hợp.
- E. Tiêu dùng sẽ giảm, trong khi lãi suất sẽ tăng trong cả hai trường hợp.
27. Với các yếu tố khác không đổi, giả sử các bạn hàng thương mại của Việt Nam đang đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao thì điều nào sau đây có thể xảy ra:
- A. Xuất khẩu của Việt Nam giảm.
- B. Xuất khẩu Việt Nam tăng làm đồng nội tệ giảm giá.
- C. Xuất khẩu của Việt Nam tăng làm đồng nội tệ lên giá.
- D. Nhập khẩu của Việt giảm.
- E. Nhập khẩu của Việt Nam tăng.
28. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở với tỷ giá thả nổi, khi chính phủ tăng chi tiêu, thì ban đầu lãi suất có xu hướng tăng và do đó:
- A. Lấn át đầu tư một khối lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
- B. Lấn át một phần đầu tư tư nhân, nên tổng đầu tư giảm ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
- C. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
- D. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ.
29. Nếu ngân hàng trung ương tìm cách tăng cung tiền trong hệ thống tỷ giá hối đoái cố định, thì:
- A. Đường LM ban đầu dịch chuyển sang phải, sau đó lại dịch chuyển sang trái trở về vị trí ban đầu.
- B. Cung tiền sẽ tự động trở lại mức ban đầu nếu ngân hàng trung ương can thiệp để duy trì mức tỷ giá đã công bố.
- C. Thu nhập quốc dân sẽ không bị ảnh hưởng.
- D. Tất cả câu trên là đúng.
30. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, khi chính phủ tăng chi tiêu 50, thì với mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng
- A. 50 B. 100 C. 200 D. 250 E. Không phải các giá trị trên

Bảng 1.

Tiêu dùng $C = 90 + 0.8(Y - T)$.

Cầu tiền thực tế $MD = 0,1Y$

Đầu tư $I = 140 - 5r$

Cung tiền danh nghĩa $MS = 100$

Chi tiêu chính phủ $G = 50$

Giá $P = 2$.

Thuế ròng $T = 50$.

31. Xét một nền kinh tế trong bảng 1. Với số nhân tiền là 2, muốn sản lượng cân bằng tăng 500 thì ngân hàng trung ương cần mua một lượng trái phiếu chính phủ có giá trị:

A. 10 B. 20 C. 25 D. 50 E. Không phải các giá trị trên

32. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, tại trạng thái cân bằng, mức lãi suất và sản lượng lần lượt là:

A. 8 và 1000 B. 28 và 500

C. 14 và 850 D. 10 và 950

33. Kết quả cuối cùng của sự thay đổi chính sách của chính phủ là lãi suất tăng, tiêu dùng tăng, và đầu tư giảm. Đó là kết quả của việc áp dụng:

A. Chính sách tài khoản chặt. B. Chính sách tài khoá mở rộng

C. Chính sách tiền tệ chặt D. Chính sách tiền tệ mở rộng

E. Không phải các chính sách trên.

34. Nếu tỷ giá của đồng nội tệ trên thị trường đang ở mức cao hơn mức được cố định bởi ngân hàng trung ương, các nhà đầu cơ có thể kiếm lời bằng cách:

A. Mua ngoại tệ trên thị trường ngoại hối và bán chúng cho ngân hàng trung ương.

B. Mua ngoại tệ từ ngân hàng trung ương và bán chúng trên thị trường ngoại hối.

C. Mua nội tệ trên thị trường ngoại hối và bán chúng cho ngân hàng trung ương.

D. Không phải các điều kể trên.

35. Hành động kiếm lời được mô tả trong câu hỏi 34 sẽ làm cung tiền trong nước:

A. Tăng và dịch chuyển đường LM sang trái

B. Tăng và dịch chuyển đường LM sang phải

C. Giảm và dịch chuyển đường LM sang trái

D. Giảm và dịch chuyển đường LM sang phải

36. Nếu giá của đồng đô la Mỹ (ngoại tệ) trên thị trường cao hơn mức được cố định bởi ngân hàng trung ương, các nhà đầu cơ có thể kiếm lời bằng cách:

A. Mua nội tệ từ ngân hàng trung ương và bán chúng trên thị trường ngoại hối.

B. Mua nội tệ trên thị trường ngoại hối và bán chúng cho ngân hàng trung ương.

C. Mua ngoại tệ từ ngân hàng trung ương và bán chúng trên thị trường ngoại hối.

D. Cả B và C đúng.

37. Hành động kiểm soát tiền tệ mô tả trong câu hỏi 36 sẽ làm cung tiền trong nền kinh tế.

A. Giảm, do đó dịch chuyển đường LM sang phải.

B. Giảm, do đó dịch chuyển đường LM sang trái

C. Tăng, do đó dịch chuyển đường LM sang phải

D. Tăng, do đó dịch chuyển đường LM sang trái

38. Nếu hàm cầu tiền có dạng: $MD = 0,5 \cdot Y - 100 \cdot i$, khi cung tiền thực tế tăng 100, với mỗi mức lãi suất cho vay đường LM sẽ dịch chuyển:

A. Sang phải một lượng là 100

B. Sang phải một lượng là 200

C. Sang trái một lượng là 100

D. Sang trái một lượng là 200

39. Theo mô hình IS-LM, nếu chính phủ tăng thuế, ngân hàng trung ương muốn giữ thu nhập không thay đổi, thì ngân hàng trung ương cần.

A. Đầu tiên giảm và sau đó lại tăng cung tiền

B. Đầu tiên tăng và sau đó lại giảm cung tiền

C. Giảm cung tiền

D. Tăng cung tiền

40. Nếu hàm đầu tư có dạng: $I = c - d \cdot i$ và hàm cầu tiền thực tế có dạng: $MD = \alpha \cdot Y - \beta \cdot i$, thì chính sách tài khóa sẽ tác động đối hiệu quả trong việc kiểm soát tổng cầu khi:

A. d lớn và β nhỏ

B. d nhỏ và β lớn.

C. d và β lớn

D. d và β nhỏ.

41. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá thả nổi, nếu ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ trên thị trường mở, tại trạng thái cân bằng ngắn hạn mới:

A. Thu nhập giảm và tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng.

B. Thu nhập không thay đổi, nhưng tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng.

C. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ giảm và thu nhập tăng.

D. Tỷ giá hối đoái không thay đổi, nhưng thu nhập giảm.

42. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá cố định, nếu ngân hàng trung ương phá giá đồng nội tệ, thì tại trạng thái cân bằng ngắn hạn mới:

- A. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ giảm và đường LM dịch chuyển sang trái; ảnh hưởng của nó giống như giảm cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
- B. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ giảm và đường LM dịch chuyển sang trái; ảnh hưởng của nó giống như tăng cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
- C. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng và đường LM dịch chuyển sang trái; ảnh hưởng của nó giống như giảm cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.
- D. Tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tăng và đường LM dịch chuyển sang phải; ảnh hưởng của nó giống như giảm cung tiền trong hệ thống tỷ giá thả nổi.

43. Với một nền kinh tế nhỏ, mở cửa:

- A. Trong cả hệ thống tỷ giá thả nổi và cố định, việc mở rộng cung tiền làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tài khoá thì không.
- B. Trong cả hệ thống tỷ giá thả nổi và cố định, việc mở rộng tài khoá làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tiền tệ thì không.
- C. Trong hệ thống tỷ giá thả nổi, việc mở rộng cung tiền làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tài khoá thì không, trong khi trong hệ thống tỷ giá cố định, việc mở rộng tài khoá làm tăng thu nhập, còn việc mở rộng tiền tệ thì không.
- D. Trong hệ thống tỷ giá thả nổi, việc mở rộng tài khoá làm tăng thu nhập, trong khi việc mở rộng tiền tệ thì không, trong khi trong hệ thống tỷ giá cố định, việc mở rộng tiền tệ làm tăng thu nhập, còn việc mở rộng tài khoá thì không.

Bảng 1.

Tiêu dùng $C = 200 + 0.8 YD$

Cầu tiền thực tế $MD = Y - 100$

Đầu tư $I = 200 - 25r$

Cung tiền thực tế $MS = 100$

Chi tiêu chính phủ $G = 100$

Thuế ròng $T = 100$.

44. Trong bảng 1, muốn thu nhập tăng 100, chi tiêu chính phủ cần tăng bao nhiêu?

- A. 50 B. 100 C. 150 D. 200

E. không phải các kết quả trên.

45. Nếu đầu tư của nền kinh tế trong bảng 1 trở nên không nhạy cảm với lãi suất, đường IS sẽ _____; và khi chi tiêu chính phủ tăng 1, thì mức sản lượng cân bằng tăng là _____

- A. Thẳng đứng; 0 B. Thẳng đứng; 4 C. Nằm ngang; 4
- D. Nằm ngang; 0 E. Không phải các câu trả lời trên.

45. NHTW mua một triệu đồng trái phiếu chính phủ. Với những điều kiện khác không đổi, tổng dự trữ của các NHTM sẽ không tăng nếu chỉ tiêu nào dưới đây tăng thêm 1 triệu.

- a. Dự trữ vàng của NHTW
- b. Tiền mà các ngân hàng t- nhân vay
- c. Dự trữ d- thừa
- d. Tiền mặt trong tay công chúng ngoài ngân hàng.

46. Trên thị tr- ờng trao đổi giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ, việc ng- ời tiêu dùng Việt Nam - a thích hàng hóa của Mỹ hơn sẽ:

- a. Làm dịch chuyển đ- ờng cầu về đôla Mỹ sang phải và làm tăng giá trị của đồng đôla*
- b. Làm dịch chuyển đ- ờng cầu về đôla Mỹ sang trái và làm giảm giá trị của đồng đôla
- c. Làm dịch chuyển đ- ờng cung về đôla Mỹ sang phải và làm giảm giá trị của đồng đôla
- d. Làm dịch chuyển đ- ờng cung về đôla Mỹ sang trái và làm tăng giá trị của đồng đôla

47. Điều nào d- ối đây sẽ làm dịch chuyển đ- ờng cung về ngoại tệ trên thị tr- ờng ngoại hối sang phải

- a. Các nhà đầu t- n- ớc ngoài đầu t- nhiều vào thị tr- ờng chứng khoán Việt Nam*
- b. Cầu về hàng hóa n- ớc ngoài của dân c- trong n- ớc tăng lên
- c. Cầu về hàng hóa trong n- ớc của ng- ời n- ớc ngoài giảm
- d. Ngân sách chính phủ thâm hụt

48. Trên thị tr- ờng ngoại hối, sự gia tăng nhập khẩu từ n- ớc ngoài, ng- ời Việt Nam đi du lịch n- ớc ngoài, dòng vốn chảy ra n- ớc ngoài nhiều hơn làm:

- a. Tăng cung ngoại tệ
- b. Tăng cầu về ngoại tệ
- c. Giảm giá đồng Việt Nam
- d. Tăng giá đồng Việt Nam
- e. Câu b và c đúng

49. Điều nào d- ối đây mô tả thị tr- ờng trao đổi giữa đôla Mỹ và tiền đồng Việt Nam là đúng

- a. Cầu về đồng Việt Nam bắt nguồn từ cầu về hàng Việt Nam của các nhà nhập khẩu n- ớc ngoài
- b. Cung về đồng Việt Nam bắt nguồn từ xuất khẩu của n- ớc ngoài vào thị tr- ờng Việt Nam
- c. Cung về đồng Việt Nam bắt nguồn từ cầu của Việt Nam về hàng nhập khẩu
- d. Tất cả các câu trên đều đúng

50. Nếu lãi suất chiết khấu thấp hơn nhiều so với lãi suất thị tr- ờng, khi đó

- a. Các ngân hàng chủ yếu vay từ NHTW chứ không vay từ các nguồn khác
- b. Khối l- ợng tiền mạnh d- ờng nh- tăng lên
- c. Số nhân tiền tăng lên
- d. Tất cả các câu trên đều đúng
- e. Tất cả các câu trên đều sai

51. Giả sử chính phủ đang cân nhắc hai ph- ơng án giảm thuế (tạm thời và lâu dài). Cả hai ph- ơng án đều giảm thuế một khối l- ợng nh- nhau trong năm th- nhất. Theo giả thuyết thu nhập th- ờng xuyên:

- a. Giảm thuế tạm thời sẽ làm tăng tiêu dùng nhiều hơn trong năm thứ nhất
- b. Giảm thuế tạm thời sẽ hoàn toàn không làm thay đổi tiêu dùng trong năm thứ nhất
- c. Giảm thuế lâu dài sẽ làm tăng tiêu dùng nhiều hơn trong năm thứ nhất
- d. Cả hai ph- ơng án đều ảnh h- ưởng giống nhau đến mức tiêu dùng trong năm thứ nhất.

52. Trong mô hình hai thời kỳ của Fisher, giả sử ban đầu ng- ời tiêu dùng đi vay. Khi lãi suất tăng:

- a. Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định giảm
- b. Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng
- c. Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi
- d. Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng

53. Trong mô hình hai thời kỳ về tiêu dùng, nếu $Q_1 = 20000$, $Q_2 = 15000$, và lãi suất là 50%, thì mức tiêu dùng tối đa có thể ở thời kỳ 1 là

- a. 35000 b. 25000 c. 20000 d. 30000

54. Nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng trong điều kiện không có sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ, sản phẩm cận biên của t- bản nhỏ hơn tỷ lệ khấu hao:

- a. Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn
b. Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn
c. Nền kinh tế nằm ở trạng thái vàng
d. Tỷ lệ khấu hao cần giảm để đạt trạng thái vàng.

55. Trong mô hình hai thời kỳ của Fisher, giả sử ban đầu ng-ời tiêu dùng có tiết kiệm. Khi lãi suất tăng:

- a. Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định giảm
b. Tiêu dùng trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng
c. Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất có thể tăng, giảm hoặc không thay đổi
d. Tiết kiệm trong thời kỳ thứ nhất nhất định tăng

56. Theo lý thuyết thu nhập, một cá nhân có thu nhập th-ờng xuyên biến động mạnh từ năm này qua năm khác sẽ:

- a. Có tỷ lệ tiêu dùng (C/YD) cao khi thu nhập cao và tỷ lệ tiêu dùng thấp khi thu nhập thấp
b. Có tỷ lệ tiêu dùng thấp khi thu nhập cao và tỷ lệ tiêu dùng cao khi thu nhập thấp
c. Phải chú ý nhiều hơn đến thu nhập tạm thời so với thu nhập lâu dài khi quyết định tiêu dùng
d. Th-ờng xuyên có tỷ lệ tiêu dùng cao
e. Th-ờng xuyên có tỷ lệ tiêu dùng thấp.

57. Nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn mức ở trạng thái vàng, trong điều kiện không có sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ

- a. □ trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản l-ợng, khấu hao và tiêu dùng bình quân đầu ng-ời lớn hơn.
b. ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản l-ợng và khấu hao bình quân đầu ng-ời cao hơn, nh- ng mức tiêu dùng bình quân đầu ng-ời sẽ thấp hơn
c. ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản l-ợng bình quân đầu ng-ời cao hơn, nh- ng mức khấu hao bình quân đầu ng-ời sẽ thấp hơn
d. ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn sẽ có mức sản l-ợng bình quân đầu ng-ời thấp hơn, nh- ng mức khấu hao bình quân đầu ng-ời sẽ cao hơn

Bảng 1: Thị tr-ờng hàng hóa và thị trường tiền tệ của một nền kinh tế đóng đọc mô tả nh sau:

Tiêu dùng: $C = 90 + 0,8(Y - T)$

Cầu tiền thực tế: $MD = 0,1Y$

Đầu t: $I = 140 - 5i$

Cung tiền danh nghĩa: $M^s = 100$

Chi tiêu chính phủ: $G = 50$

Mức giá: $P = 2$

Thuế ròng: $T = 50$

58. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, khi chính phủ tăng chi tiêu 50, thì mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

- A. 50 B. 100 C. 200 D. 250 E. không phải các giá trị trên

59. Xét một nền kinh tế trong bảng 1. Với số nhân tiền là 4, muốn sản l-ợng cân bằng tăng 500 thì NHTW cần mua một l-ợng trái phiếu chính phủ có giá trị:

- A. 10 B. 20 C. 25 D. 30 E. không phải các giá trị trên

60. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, tại trạng thái cân bằng, mức lãi suất và sản lượng lần là:

- A. 8 và 100 B. 28 và 500 C. 14 và 850 D. 10 và 950

61. Trong mô hình IS-LM khi chính phủ tăng thuế thu nhập, ở trạng thái cân bằng ngắn hạn, đầu tư có xu hướng:

- A. Giảm và sản lượng giảm B. Giảm và sản lượng tăng
C. Tăng và sản lượng giảm D. Tăng và sản lượng tăng

62. Với các nhân tố khác không đổi, sự thay đổi nhất định của chi tiêu chính phủ có ảnh hưởng nhỏ hơn đến tổng cầu khi:

- A. Đầu tư nhạy cảm hơn với lãi suất B. Đầu tư ít nhạy cảm hơn với lãi suất
C. Cầu tiền nhạy cảm ít hơn với lãi suất D. Cầu tiền ít nhạy cảm hơn với thu nhập
E. A và C đúng

63. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên là 0,75 và thuế độc lập với thu nhập, khi chính phủ giảm thuế 100, với mỗi mức lãi suất cho trục đồng IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

- A. 100 B. 200 C. 300 D. 400

64. Theo mô hình IS-LM, nếu chính phủ tăng thuế, ngân hàng NHTW muốn giữ đầu tư không đổi, thì NHTW cần:

- A. Đầu tiên giảm và sau đó lại tăng cung tiền B. Đầu tiên tăng và sau đó lại giảm cung tiền
C. Giảm cung tiền D. Tăng cung tiền

65. Nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng trong điều kiện không có sự gia tăng dân số và tiến bộ công nghệ và sản phẩm cận biên của tư bản nhỏ hơn tỷ lệ khấu hao:

- A. Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm thấp hơn.
B. Mức tiêu dùng bình quân một công nhân ở trạng thái dừng sẽ cao hơn so với ở trạng thái dừng với tỷ lệ tiết kiệm cao hơn.
C. Nền kinh tế nằm ở trạng thái vàng
D. Tỷ lệ khấu hao cần giảm để đạt trạng thái vàng

Bảng 1: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của một nền kinh tế đóng được mô tả như sau

Tiêu dùng: $C = 90 + 0,8(Y - T)$

Cầu tiền thực tế: $MD = 0,1Y$

Đầu tư: $I = 140 - 5i$

Cung tiền danh nghĩa: $M^s = 100$

Chi tiêu chính phủ: $G = 50$

Mức giá: $P = 2$

Thuế ròng: $T = 50$

66. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, khi chính phủ tăng chi tiêu 50, thì mỗi mức lãi suất cho trục đồng IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:

- A. 50 B. 100 C. 200 D. 250* E. không

phải các giá trị trên

67. Xét một nền kinh tế trong bảng 1. Với số nhân tiền là 4, muốn sản lượng cân bằng tăng 500 thì ngân hàng trung ương cần mua một lượng trái phiếu chính phủ có giá trị:

- A. 10 B. 20 C. 25 D. 30 E. không phải các giá trị trên

68. Xét một nền kinh tế trong bảng 1, tại trạng thái cân bằng, mức lãi suất và sản lượng lần lượt là:

- A. 8 và 100 B. 28 và 500 C. 14 và 850 D. 10 và 950

69. Trong mô hình IS-LM khi chính phủ tăng thuế thu nhập, ở trạng thái cân bằng ngắn hạn, đầu tư có xu hướng:

- A. Giảm và sản lượng giảm B. Giảm và sản lượng tăng
C. Tăng và sản lượng giảm D. Tăng và sản lượng tăng

70. Với các nhân tố khác không đổi, sự thay đổi nhất định của chỉ tiêu chính phủ có ảnh hưởng nhỏ hơn đến tổng cầu khi:
- A. Đầu tư - nhạy cảm hơn với lãi suất
 - B. Đầu tư - ít nhạy cảm hơn với lãi suất
 - C. Cầu tiêu nhạy cảm ít hơn với lãi suất
 - D. Cầu tiêu ít nhạy cảm hơn với thu nhập
 - E. A và C đúng
71. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên là 0,75 và thuế độc lập với thu nhập, khi chính phủ giảm thuế 100, với mỗi mức lãi suất cho trước đường IS sẽ dịch chuyển sang phải một lượng bằng:
- A. 100
 - B. 200
 - C. 300
 - D. 400
72. Theo mô hình IS-LM, nếu chính phủ tăng thuế, ngân hàng trung ương muốn giữ đầu tư - không đổi, thì ngân hàng trung ương cần:
- A. Đầu tiên giảm và sau đó lại tăng cung tiền
 - B. Đầu tiên tăng và sau đó lại giảm cung tiền
 - C. Giảm cung tiền
 - D. Tăng cung tiền
73. Trong một nền kinh tế nhỏ, tỷ giá thả nổi, chính sách tài khóa không có hiệu quả trong việc thay đổi sản lượng bởi vì:
- A. Chính sách tiền tệ sẽ triệt tiêu hoàn toàn ảnh hưởng của chính sách tài khóa
 - B. Tỷ giá không đổi
 - C. Xuất khẩu ròng sẽ thay đổi để triệt tiêu hoàn toàn ảnh hưởng ban đầu của chính sách tài khóa đến tổng cầu
 - D. Giá ngoại tệ sẽ thay đổi cùng chiều với lãi suất.
74. Nếu NHTW tìm cách tăng cung tiền trong hệ thống tỷ giá hối đoái cố định thì:
- A. Thu nhập quốc dân sẽ không bị ảnh hưởng
 - B. Cung tiền sẽ tự động trở lại mức ban đầu nếu NHTW can thiệp để duy trì mức tỷ giá đã công bố.
 - C. Đường LM ban đầu dịch chuyển sang phải, sau đó lại dịch sang trái trở về vị trí ban đầu.
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
75. Sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trở nên có lợi khi
- A. Người dân tin tưởng vào sự thành công của chính sách kiềm chế lạm phát
 - B. Chính phủ giảm thuế cho các đầu vào nhập khẩu
 - C. Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên tăng
 - D. Tất cả các câu trên
 - E. Câu a và b
76. Trong mô hình Solow giả thiết
- A. Tổng đầu tư - chiếm một tỷ lệ cố định so với thu nhập
 - B. Nếu thu nhập cố định, thì tổng đầu tư sẽ bằng không
 - C. Khấu hao luôn lớn hơn đầu tư - ròng
 - D. Khấu hao luôn nhỏ hơn đầu tư - ròng
77. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá thả nổi, khi chính phủ tăng chi tiêu, thì ban đầu lãi suất có xu hướng tăng và do đó:
- A. Lấn át một phần đầu tư - nhân, ngân hàng đầu tư - giảm ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ
 - B. Lấn át đầu tư - một khối lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ
 - C. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng ít hơn sự gia tăng chi tiêu chính phủ
 - D. Thu hút vốn nước ngoài, đồng nội tệ lên giá, làm giảm xuất khẩu ròng một lượng đúng bằng sự gia tăng chi tiêu chính phủ.

78. Theo mô hình Solow, nếu một nền kinh tế ở trạng thái dừng với lực l- ợng lao động và công nghệ thay đổi trong đó t- bản đang ở mức thấp hơn so với trạng thái vàng :

- A. Các nhà hoạch định chính sách cần làm mọi biện pháp có thể để tăng tỷ lệ tiết kiệm
- B. Nếu tăng tỷ lệ tiết kiệm, sản l- ợng trên một lao động sẽ tăng cả trong ngắn hạn và dài hạn
- C. Nếu tăng tỷ lệ tiết kiệm, sản l- ợng trên một lao động sẽ giảm và sau đó tăng cao hơn mức ban đầu, trong khi tiêu dùng sẽ tăng cả trong ngắn hạn và dài hạn
- D. Nếu tăng tỷ lệ tiết kiệm, sản l- ợng trên một lao động sẽ tăng, trong khi tiêu dùng ban đầu sẽ giảm và sau đó sẽ tăng lên cao hơn mức ban đầu

79. Trong một nền kinh tế nhỏ, mở cửa với tỷ giá thả nổi. Nếu các đ- ờng IS và LM cắt nhau tại mức lãi suất trong n- ớc thấp hơn mức lãi suất thế giới, các nhà đầu cơ sẽ chuyển tiền;

- A. Ra n- ớc ngoài để mua tài sản n- ớc ngoài, làm đồng nội tệ tăng giá và dịch chuyển đ- ờng IS sang trái
- B. Ra n- ớc ngoài để mua tài sản n- ớc ngoài, làm đồng nội tệ giảm giá và dịch chuyển đ- ờng IS sang phải
- C. Từ n- ớc ngoài vào để mua tài sản trong n- ớc, làm đồng nội tệ giảm giá và dịch chuyển đ- ờng IS sang phải
- D. Từ n- ớc ngoài vào để mua tài sản trong n- ớc, làm đồng nội tệ giảm giá và dịch chuyển đ- ờng IS sang trái

80. Xét một nền kinh tế không có tăng tr- ởng lao động và thay đổi công nghệ. Theo mô hình Solow, nếu tỷ lệ tiết kiệm tăng thì:

- A. Nền kinh tế sẽ liên tục tăng tr- ởng nhanh hơn
- B. Tỷ lệ t- bản so với lao động sẽ liên tục tăng
- C. Nền kinh tế sẽ liên tục tăng tr- ởng cho đến khi đạt trạng thái dừng mới
- D. tỷ lệ t- bản so với lao động cuối cùng sẽ giảm

81. Ràng buộc ngân sách của các hộ gia đình trong mô hình hai thời kỳ có thể viết nh- sau;

- A. $C_1 + C_2 = Yd_1 + Yd_2$
- B. $C_1 + C_2 / (1 + r) = Yd_1 + Yd_2$
- C. $C_2 + C_1(1 + r) = Yd_2 + Yd_1(1 + r)$
- D. $C_2 + C_1 / (1 + r) = Yd_2 + Yd_1 / (1 + r)$
- E. Cả b và c đúng

82. Keynes cho rằng

- A. Ng- ời dân sẽ tiết kiệm nhiều hơn khi lãi suất cao
- B. Ng- ời dân sẽ tiêu dùng và tiết kiệm nhiều hơn khi lãi suất cao
- C. Ng- ời dân sẽ tiêu nhiều hơn khi lãi suất cao
- D. Lãi suất ít ảnh h- ưởng đến tiêu dùng